

Bản án số: 131/2020/DS-PT

Ngày 10-9-2020

Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi (hộ)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Tấn

Các Thẩm phán: Bà Đặng Thị Bích Vân

Ông Nguyễn Như Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Ngọc Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 131/2020/TLPT-DS ngày 17 tháng 8 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi (hộ).

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2020/DS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện UMT, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 124/2020/QĐ-PT ngày 01 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Huyền Tr, sinh năm: 1989. Địa chỉ: Ấp K1A, xã ĐT, huyện AB, tỉnh Kiên Giang. Chỗ ở hiện nay: Ấp HTA, xã PT, huyện TS, tỉnh An Giang (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Chí H, sinh năm: 1956. Địa chỉ: Ấp K1A, xã ĐT, huyện AB, tỉnh Kiên Giang (Theo văn bản ủy quyền ngày 04/3/2020) - (Có mặt).

- *Đồng bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Ph, sinh năm: 1960 và ông Lê Văn V, sinh năm: 1963. Cùng địa chỉ: Ấp XLA, xã TYA, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền Tr.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền Tr và người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Chí H trình bày:

Vào ngày 25/11/2014, chị Tr có tham gia dây hụi 5.000.000 đồng do vợ chồng ông V, bà Ph làm chủ, hụi 04 tháng khui một lần, có 20 thành viên góp hụi. Bà Tr tham gia 01 phần hụi, đóng được 11 lần hụi sống, đến lần thứ 12 là ngày 25/7/2018 thì ông V, bà Ph không cho bỏ thăm khui hụi, dẫn đến tranh chấp. Do đó, chị Tr làm đơn yêu cầu Ban lãnh đạo ấp XLA, xã TYA, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang giải quyết. Tại buổi hòa giải tại ấp ngày 29/11/2018 hai bên thỏa thuận thống nhất cho chị Tr ngưng việc góp hụi, lý do chị Tr đi nuôi vịt chạy đồng, nên không có nhà thường xuyên để đóng hụi đúng định kỳ. Ông V, bà Ph đồng ý trả lại số tiền 11 lần đã đóng cho chị Tr tính theo hụi chết là 5.000.000 đồng x 11 lần bằng 55.000.000 đồng. Tuy nhiên, phải khấu trừ lại phần hụi chết của ông H (ông H cha chị Tr có tham gia 01 chân hụi đã hốt và còn nợ lại 50.000.000 đồng hụi chết), như vậy còn lại 5.000.000 đồng, ông V, bà Ph đồng ý trả cho bà Tr và hứa bù lỗ thêm cho bà Tr 10.000.000 đồng, hai bên đồng ý ký vào biên bản hòa giải và cam kết thực hiện.

Tuy nhiên, ông V và bà Ph không thực hiện như cam kết, nay chị Tr yêu cầu Tòa án xử buộc bị đơn ông V, bà Ph trả số tiền cho chị theo đúng cam kết là 15.000.000 đồng.

Bị đơn ông Lê Văn V và bà Nguyễn Thị Ngọc Ph trình bày:

Vào ngày 25/11/2014, bà Ph có mở dây hụi 5.000.000 đồng, do bà Ph làm chủ hụi, hụi 04 tháng khui một lần, lúc đầu có 20 thành viên góp hụi, sau đó có thêm 01 thành viên tham gia nữa là tổng cộng 21 thành viên. Chị Tr tham gia 01 phần hụi, đóng được 11 lần hụi sống, đến lần thứ 12 là ngày 25/7/2018 thì bà Ph không cho bỏ thăm khui hụi vì lý do chị Tr thường xuyên đi nuôi vịt chạy đồng, mỗi lần đóng hụi trễ từ 10 đến 15 ngày. Trong khi ông H cha của chị Tr cũng có tham gia 01 chân, nhưng đã hốt hụi xong. Từ đó, dẫn đến tranh chấp nên chị T yêu cầu Ban lãnh đạo ấp XLA, xã TYA, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang tiến hành hòa giải. Tại buổi hòa giải hai bên đều thống nhất cho chị Tr rút chân hụi không tham gia nữa, bà Ph tính theo giá hụi chết trả cho chị Tr bằng 55.000.000 đồng, nhưng phải khấu trừ số tiền hụi chết của ông H còn nợ là 50.000.000 đồng, như vậy còn lại 5.000.000 đồng bà Ph phải trả cho chị Tr. Đồng thời, bà Ph cũng hứa bù lỗ cho chị Tr 10.000.000 đồng. Nhưng sau đó bà Ph không thực hiện, vì tính lại thì thấy chị Tr hoàn toàn không có thiệt hại gì.

Nay ông bà chỉ đồng ý trả lại cho chị Tr số tiền hụi còn nợ sau khi trừ cần là 5.000.000 đồng, không đồng ý bù lỗ cho chị Tr 10.000.000 đồng, vì thực tế chị Tr không bị thiệt hại gì.

Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2020/DS-ST ngày 19/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền Tr đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Ph và ông Lê Văn V về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi.

- Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc Ph và ông Lê Văn V phải trả cho chị Nguyễn Thị Huyền Tr số tiền là 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

- Bác yêu cầu của chị Nguyễn Thị Huyền Tr đòi bà Nguyễn Thị Ngọc Ph và ông Lê Văn V phải trả 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần án phí, lãi chậm trả và báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02/7/2020, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền Tr có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Buộc vợ chồng ông Lê Văn V, bà Nguyễn Thị Ngọc Ph phải trả cho chị theo thỏa thuận và cam kết ngày 29/11/2018 là 15.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông H vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đồng thời, ông H yêu cầu xem xét dây hụi ông tham gia gồm có 20 hụi viên, chứ không phải 21 hụi viên như nguyên đơn trình bày, nên ông chỉ thiếu tiền hụi chết của vợ chồng ông V, bà Ph là 09 lần x 5.000.000 đồng = 45.000.000 đồng.

Bị đơn không đồng ý với nội dung kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền Tr, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét nội dung kháng cáo của chị Tr yêu cầu Hội đồng xét xử buộc vợ chồng ông Lê Văn V, bà Nguyễn Thị Ngọc Ph phải trả cho chị theo thỏa thuận và cam kết ngày 29/11/2018 là 15.000.000 đồng thấy rằng:

Giữa chị Tr và vợ chồng ông V, bà Ph có tham gia góp hụi với nhau và hai bên thỏa thuận thống nhất cho chị Tr ngưng hụi. Ông V, bà Ph thừa nhận chị Tr đã đóng được 11 lần và đồng ý tính cho chị Tr theo mức hụi chết là 5.000.000 đồng bằng 55.000.000 đồng, nhưng phải khấu trừ lại phần hụi chết của ông H (cha của chị Tr) chưa đóng 50.000.000 đồng. Việc này được chị Tr đồng ý. Nên ông V, bà Ph phải trả cho chị Tr số tiền hụi còn nợ 5.000.000 đồng là thỏa đáng.

[2] Về số tiền bù lỗ 10.000.000 đồng: Việc hai bên phát sinh tranh chấp về góp hụi và nhờ chính quyền địa phương giải quyết, xét thấy hai bên đều có một phần lỗi. Vợ chồng ông V, bà Ph không cho chị Tr bỏ thăm khui hụi là không đúng với thỏa thuận ban đầu khi tham gia góp hụi. Còn chị Tr thường xuyên không có nhà, nên chỉ một vài lần trực tiếp đóng hụi, còn lại phải nhờ cha, mẹ, em ruột đóng giùm, nên nhiều khi không đóng đúng định kỳ. Nên ông V, bà Ph phải bỏ tiền của gia đình vào tràn hụi cho chị Tr, để có đủ tiền giao cho người hốt hụi. Như vậy, việc ông V, bà Ph phải bỏ tiền đóng thay cho chị Tr trước, đáng lẽ phải được tính lãi theo quy định khi có yêu cầu. Bên cạnh đó, việc chơi hụi có lãi, thì người tham gia chơi hụi được hưởng lãi từ thành viên được lĩnh hụi, nên họ không đóng theo mức hụi chết theo quy định là 5.000.000 đồng, nhưng ông V, bà Ph vẫn chấp nhận cho chị Tr đã đóng theo mức hụi chết, nên chị Tr không bị thiệt hại gì. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông V, bà Ph phải trả cho chị Tr $\frac{1}{2}$ số tiền phải bù lỗ 5.000.000 đồng là phù hợp.

[3] Bên cạnh đó, ông H yêu cầu xem xét dây hụi ông tham gia gồm có 20 hụi viên, chứ không phải 21 hụi viên như nguyên đơn trình bày, nên ông chỉ thiếu tiền hụi chết của vợ chồng ông V, bà Ph là 09 lần x 5.000.000 đồng = 45.000.000 đồng. Tuy nhiên, nội dung yêu cầu này không có kháng cáo, kháng nghị, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Mặt khác, các bên đồng ý cản trừ và thống nhất ông V, bà Ph còn nợ hụi chết là 5.000.000 đồng. Việc này đã được nhận định giải quyết ở phần trên.

Do đó, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền Tr. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 13/2020/DS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện UMT, tỉnh Kiên Giang.

[4] Về án phí dân sự:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc vợ chồng ông Lê Văn V, bà Nguyễn Thị Ngọc Ph phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 5% trên số tiền 10.000.000 đồng phải trả cho chị Nguyễn Thị Huyền Tr là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng).

Buộc chị Nguyễn Thị Huyền Tr phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Do kháng cáo của chị Nguyễn Thị Huyền Tr không được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên phải nộp án phí dân sự phúc thẩm, khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 471 Bộ luật dân sự 2015; Điều 147, 148 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, họ, hiệu, phường;

Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền Tr.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 13/2020/DS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện UMT, tỉnh Kiên Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền Tr đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Ph và ông Lê Văn V về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi.

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc Ph và ông Lê Văn V phải trả cho chị Nguyễn Thị Huyền Tr số tiền là 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*).

2. Bác yêu cầu của chị Nguyễn Thị Huyền Tr đòi bà Nguyễn Thị Ngọc Ph và ông Lê Văn V phải trả 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*).

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

“Mức lãi suất hai bên thỏa thuận” là mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng hoặc tại Tòa án. Trường hợp, các bên không có thỏa thuận về mức lãi suất nợ quá hạn thì mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

4. Về án phí:

- *Án phí dân sự sơ thẩm:*

Buộc vợ chồng ông Lê Văn V, bà Nguyễn Thị Ngọc Ph phải nộp án phí dân sự với số tiền 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*).

Buộc chị Nguyễn Thị Huyền Tr phải nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 300.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 375.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003171 ngày 27/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện UMT, tỉnh Kiên Giang. Chị Tr còn được nhận lại số tiền 75.000đ (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*).

- *Án phí dân sự phúc thẩm:*

Buộc chị Nguyễn Thị Huyền Tr phải nộp án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004141 ngày 16/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện UMT, tỉnh Kiên Giang. Chị Tr không phải nộp thêm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện UMT;
- THA dân sự huyện UMT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Quang Tấn